TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnhphúc**
Số: 397/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1416/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông L V T, sinh năm 1970;
- Bà P T H T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: khu phố 4, phường TTN, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L V T và bà P T H T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số 019, quyển số 23-TP-HT do Ủy ban nhân dân xã H T, huyện H H, tỉnh N Đcấp). Nay ông T và bà T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung là L Th Th Tr, sinh ngày 17/5/2000 (đã thành niên), L Th N A, sinh ngày 06/11/2007 và L P C, sinh ngày 01/02/2009. Sau khi ly hôn, giao các trẻ L Th N A và L P C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí, lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm do ông L V T và bà P T H T cùng nộp, được tính cấn trừ vào biên lai tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp cho Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông L V T và bà P T H T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L V T và bà P T H T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 (ba) con chung là L Th Th Tr, sinh ngày 17/5/200x (đã thành niên), L Th N A, sinh ngày 06/11/200x và L P C, sinh ngày 01/02/200x. Sau khi ly hôn, giao các trẻ L Th N A và L P C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông L V T và bà P T H T cùng chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông T, bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005069 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Ông L V T và bà P T H T đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 019, quyển số 23-TP-HT, ngày 14 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã H T, huyện H H, tỉnh N Đ đã cấp cho ông L V T và bà P T H T không còn hiệu lực.

Trường hợp Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền